

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK8	7:25	19+0	0+0		21+1	0+0	
2		TD3+CTK3	7:25	17+2	0+0		14+6	0+0	
3		P4+P1	7:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
4		AMD	7:25	22	0		22	0	
5		MRM+TD1	9:25	20+0	0+0		11+11	0+0	
6		P7+P3+RP3	9:25	8+11+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
7		P1+MRM	9:25	12+8	0+0		6+16	0+0	
8		AMD+P4	11:25	4+16	0+0		0+22	0+0	
9		P5+P7	11:25	12+4	0+0		13+8	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2024	TO: TD5 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Thành -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUSH MAKSIM	TD5	49	1	7	140	101	KHOAN	Russian
2	NGUYEN XUAN THE	TD5	90	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN THIEU	TD5	84	1	14		86	KHOAN	Vietnamese
4	VY HUNG CUONG	TD5	50	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
5	MAI TRUONG TRUNG	TD5	82	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	BUI XUAN KHOA	TD5	85	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
7	LUU VAN MANH	TD5	81	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
8	HA VAN PHUC	TD5	80	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN CHIEN	TD5	46-47	2	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE THE CONG	TD5	87	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THACH	TD5	86	1	6		58	D-HANH	Vietnamese
12	VU HAI THANG	TD5	83	1	15		75	DVL	Vietnamese
13	TRAN QUOC HUONG	TD5	44-45	2	15	7	90	DVL	Vietnamese
14	TRAN CONG CHIEN	TD5	89	1	14		79	DVL	Vietnamese
15	DAO VAN YEN	TD5	42-43	2	20		64	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VINH KHA	TD5	748	1	14		77	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN DANG NAM	TD5	91	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HANH	TD5	48	1	4		63	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN XUAN	TD5	01-02	2	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	23	186	1.381	147	217		CO GIOI: PHAN TRUNG THANH
2	BK8	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	23	186	1.381	147	218		
WEIGHT KG				186	1.381	147			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	TO: P4 - P1	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P4	63	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	65	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BÀNG	P4	62	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THÀNH QUÂN	P4	66	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	70	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	64	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HOANG	P4	68	1	10	11	83	KH-THAC	Vietnamese
8	BABKIN A.	P1	82	1	6		102	KH-THAC	Russian
9	KISELEV I.	P1	81	1	9		98	KH-THAC	Russian
10	VŨ XUÂN QUY	P1	77	1	7		103	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN KIM CUÔNG	P1	68	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	P1	83	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P1	70-71	2	7		87	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ QUỐC VIỆT	P1	74-76	3	8		65	YTE	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	78	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ VINH	P1	79	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ KIẾN TRUNG	P1	69	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	72	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG ANH TUÂN	P1	73	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	80	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG MINH	P1					78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	7	7	41	481	110	4		
2	P1	15	16	89	1.167	0	18		
TOTAL		22	23	130	1.648	0	22		
WEIGHT KG				130	1.648	0			

GRAND TOAL: 1.778 KGS + 11kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2024	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTrung - PTUẤN	ETA: 09:30
VANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	22	1	5	55	72	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN NAM TRUNG	AMD	21	1	8		76	HLJOC	Vietnamese
3	HO ANH QUOC	AMD	30	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	AMD	01	1	4	29	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN CONG DUNG	AMD	25-27	3	20		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DUC TRUNG	AMD	06-07	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN QUANG	AMD	20	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THANH HUNG	AMD	03	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN DONG	AMD	28	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SAU	AMD	17-18	2	20		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MINH DUC	AMD	16	1	8	8	70	KH-THAC	Vietnamese
12	HO TRAN PHUONG DONG	AMD	29	1	5	10	65	KH-THAC	Vietnamese
13	Dinh Huu Tinh	AMD	23-24	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYEN	AMD	08	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN GIANG	AMD	02	1	5	30	72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU CUONG	AMD	04-05	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET THANG	AMD	09-10	2	23		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	11-12	2	20		91	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	14-15	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DOANH	AMD	31-32	2	9		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NHA	AMD	13	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
22	DINH CONG HOANG	AMD	19	1	6		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	32	227	1.500	132	22		
TOTAL		22	32	227	1.500	132	22		
WEIGHT KG				227	1.500	132			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: MRM - TD1	CREW: HUNG - MTHAO - Thành -	ETA: 11:40
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KADATOV MIKHAIL	MRM	82-83	2	18	7	75	AMNGR	Russian
2	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	MRM	79-80	2	20	12	76	PVD INVE	Vietnamese
3	TRẦN DUY DUC	MRM	78	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÍNH	MRM	71	1	13		82	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ VĂN SƠN	MRM	77	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN BA ĐỨC	MRM	66-67	2	17		85	DVL	Vietnamese
7	HUYNH TRONG PHUC	MRM	72	1	11		63	PSV	Vietnamese
8	KOTIKOV ALEXEY	MRM	57	1	15		107	AMNGR	Russian
9	BOYCHUK VALERY	MRM	76	1	10		70	AMNGR	Russian
10	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	74	1	5		76	AMNGR	Russian
11	KICHEV ALEXEY	MRM	68-69	2	12		76	AMNGR	Russian
12	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	61	1	11		88	AMNGR	Russian
13	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	75	1	13		82	AMNGR	Russian
14	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	59-60	2	17		78	AMNGR	Russian
15	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	58	1	9		129	AMNGR	Russian
16	KARNIUKHIN VITALII	MRM	73	1	14		71	AMNGR	Russian
17	SACHOK VALERII	MRM	70	1	12		84	AMNGR	Russian
18	ZHIGALO ARTUR	MRM	62-63	2	13		85	AMNGR	Russian
19	KRASNOV ARTEM	MRM	56	1	12		80	AMNGR	Russian
20	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	64-65	2	19		80	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	27	261	1.654	19	11		
2	TD1	0	0	0	0	16	11		
TOTAL		20	27	261	1.654	35	22		
WEIGHT KG				261	1.654	35			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2024	TO: P7 - P3 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - Dương - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

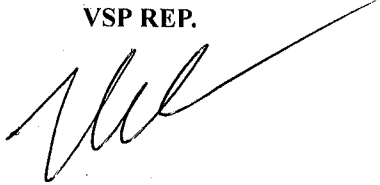
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN TRUNG	P7	23	1	11		70	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHONG	P7	27	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH TUAN	P7	31-32	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH THANH TAM	P7	30	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN QUANG	P7	24-25	2	13		88	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH NAM	P7	26	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN LOI	P7	29	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THIEN	P7	28	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN PHI DAN	P3	04	1	5		55	YTE	Vietnamese
10	DINH VAN THANH	P3	09-10	2	8		76	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG HUU HAU	P3	05	1	15		94	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THE DUONG	P3	07	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DUC HUY	P3	11	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC BINH	P3	08	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN THIEN THANH	P3	03	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN LE TUNG	P3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH PHONG	P3	12-13	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DUC HUNG	P3	02	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET TOAN	P3	36	1	5		93	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

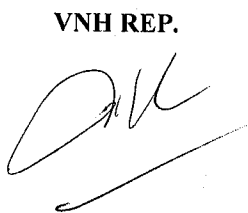
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	8	10	71	594	0	5		
2	P3	11	13	82	856	0	13		
3	RP3	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		19	23	153	1.450	25	22		
WEIGHT KG				153	1.450	25			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

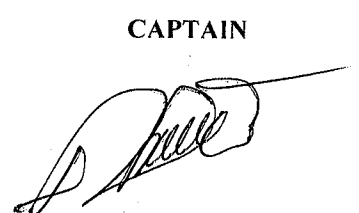
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:59
FLIGHT: 7	TO: P1 - MRM	CREW: CHIẾN - HTrung - PTUẤN	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1					62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM ANH SƠN	P1	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THẮNG	P1	04	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUANG ANH	P1	09	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI HUY NGHIỆP	P1					78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM SỸ HIỆP	P1	10	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	14-15	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NAM CUONG	P1	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU DŨNG	P1	11-13	3	25	13	85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	08	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ HỒNG HẢI	P1	01-02	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	06-07	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
13	SEменов VASILII	MRM	88-89	2	13		82	AMNGR	Russian
14	NGUYEN VAN THANG	MRM	94-95	2	12		67	PVD	Vietnamese
15	FILATOV SERGEY	MRM	87	1	11		106	AMNGR	Russian
16	CHERNIATEV KIRILL	MRM	90	1	13		82	AMNGR	Russian
17	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	MRM	96-97	2	12		60	PVDO	Vietnamese
18	KIRICHENKO K.P.	MRM	96	1	12		78	KHOAN	Russian
19	NGUYỄN HOÀNG LONG	MRM	91-92	2	21	12	83	KHOAN	Vietnamese
20	FILATOV SERGEY	MRM	86	1	15	40	112	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	15	100	824	13	6		
2	MRM	8	12	109	670	52	16		
TOTAL		20	27	209	1.494	65	22		
WEIGHT KG				209	1.494	65			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: AMD - P4	CREW: HÙNG - MTHAO - Quân	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MANH HUNG	AMD	69-70	2	19	100	83	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN QUỐC	AMD	68	1	6		57	PSV	Vietnamese
3	TRẦN QUANG THANH	AMD	49	1	5	17	70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MẠNH HÀ	AMD	71	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	09	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI MINH TUẤN	P4	16-17	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	03-04	2	19		68	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN NHÃN HẢI	P4	01	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN NGỌC TUẤN	P4	10	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	02	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HOÀNG LONG	P4	06-07	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TOÀN	P4	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG	P4	14	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	05	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN BA	P4	08	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VĂN QUANG	P4	11	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH THẮNG	P4	18	1	10	13	79	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG TRUNG	P4	13	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	12	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VĂN MẠNH	P4	15	1	5	18	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	5	39	294	117	0		
2	P4	16	19	128	1.090	31	22		
TOTAL		20	24	167	1.384	148	22		
WEIGHT KG				167	1.384	148			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2024	TO: P5 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - DTùng	ETA: 14:05
Hồng - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NAM	P5	45	1	7		71	YTE	Vietnamese
2	BUI VAN BAC	P5					76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TRUNG HIEU	P5	42	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG PHUC	P5	44	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	35	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TIEN	P5	496	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC TIEN	P5	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH PHUC	P5	43	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MANH CUONG	P5	34	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG BA VINH	P5	36-37	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO VĂN THẮNG	P5	41	1	9		55	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG TRINH	P5	40	1	4	25	57	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC BÌNH	P7	34	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VIET HUNG	P7	35	1	6		77	PSV	Vietnamese
15	ĐẠU CÔNG SAU	P7	33	1	4		85	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HO THIEN TAM	P7	36	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	12	12	90	800	25	13		
2	P7	4	4	25	294	0	8		
TOTAL		16	16	115	1.094	25	21		
WEIGHT KG				115	1.094	25			

GRAND TOAL: 1.234 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN